

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 26-6-2023.

V/v “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con,
cấp dưỡng và chia tài sản chung khi ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Ngoan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Huỳnh Văn Thanh.

2/ Bà Trần Thị Cúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 26 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 82/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng và chia tài sản chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Đỗ Thị Tuyết T**, sinh năm 1995. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp 4, xã Đ, huyện T, tỉnh Đ.

- *Bị đơn:* Anh **Trần Văn L**, sinh năm 1997. (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp 3, xã M, huyện C, tỉnh T.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà **Lâm Thị T**. (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp 3, xã M, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Đỗ Thị Tuyết T trình bày: Chị và anh Trần Văn L kết hôn với nhau 2019, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến khoảng tháng 3 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân đến nay, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh L có biểu hiện ngoại tình. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L.

+ Về con chung: có 01 con chung tên Trần Thị Kim Ngân, sinh ngày 05/7/2020 hiện sống chung với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con chung, yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ.

+ Về tài sản chung: Có 10 chỉ vàng 24k, hiện mẹ chồng (Bà Lâm Thị T) mượn. Chị yêu cầu được chia $\frac{1}{2}$ tài sản chung.

+ Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Trần Văn L vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến phản bác.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến phản bác.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị T xin rút lại yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung đối với 10 chỉ vàng 24k.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn anh Trần Văn L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Nguyên đơn chị Đỗ Thị Tuyết T khởi kiện bị đơn anh Trần Văn L về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng và chia tài sản chung khi ly hôn”, anh L có địa chỉ cư trú tại ấp 3, xã M, huyện C, tỉnh T. Căn cứ quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Tuyết T và anh Trần Văn L tự tìm hiểu, quen biết rồi tổ chức kết hôn vào năm 2019, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Mỹ Thành Bắc, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 65 ngày 07/10/2019, nên là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, xét thấy quan hệ hôn nhân giữa anh chị đã thật sự đổ vỡ, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ. Bởi lẽ, theo chị T trình bày: Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung hạnh phúc chỉ được thời gian đầu, đến khoảng tháng 3 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn và tự sống ly thân đến nay, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và anh L có biểu hiện ngoại tình. Riêng đối với anh L, từ khi được Tòa án thông báo về việc chị T ly hôn anh vẫn bỏ mặt và không có ý kiến gì, chứng tỏ anh không còn quan tâm đến đời sống vợ chồng với chị T nữa. Từ đó cho thấy tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh L thật sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho anh, chị ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Chị T và anh L có 01 con chung tên Trần Thị Kim Ngân, sinh ngày 05/7/2020 hiện do chị T nuôi dưỡng ổn định. Do vậy giao con chung cho

chị T nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T yêu cầu anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ, xét thấy phù hợp với khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thực tế của người được cấp dưỡng, phù hợp quy định tại các Điều 107 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[6] Về tài sản chung: Tại phiên tòa, chị T xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung. Xét thấy, việc rút yêu cầu này là tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này.

[7] Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[8] Về án phí sơ thẩm: Chị T là nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn; Anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nên mỗi người phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, 107, Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Tuyết T. Cho chị Đỗ Thị Tuyết T được ly hôn anh Trần Văn L.

2. *Về con chung*: Giao con chung tên Trần Thị Kim Ngân, sinh ngày 05/7/2020 cho chị Đỗ Thị Tuyết T nuôi dưỡng. Buộc anh Trần Văn L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ, thực hiện kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi và lao động được. Anh L được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. *Về tài sản chung*: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của chị Đỗ Thị Tuyết T về việc chia tài sản chung khi ly hôn.

4. *Về án phí*:

- Chị Đỗ Thị Tuyết T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Khấu trừ số tiền đã nộp là 968.700đ tạm ứng án phí theo các biên lai thu số 0017259 và 0017260 ngày 27/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, như vậy trả lại cho chị T số tiền là 668.700đ.

- Anh Trần Văn L phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CC THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã Mỹ Thành Bắc, huyện Cai Lậy;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thành Ngoan

